

Số 14 /2026/CBTT - BSGPT

Phú Thọ, ngày 14 tháng 8... năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: BSP
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Trung Hà, Xã Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại liên hệ: 02103650688
- Email: saigonphutho@gmail.com Website: Saigonphutho.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026 đã soát xét.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8.. /2026 tại đường dẫn: saigonphutho.com.vn mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin đã công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ

Người được UQCBTT

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2026 đã soát xét
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC bán niên đã soát xét năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.
- Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế tại BCTC bán niên đã soát xét chuyển từ lỗ năm 2025 thành lãi trong BCTC bán niên đã soát xét năm 2026.



TRẦN THỊ LIÊN





Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 2600393941 ngày 30 tháng 5 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600393941 ngày 25 tháng 4 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch
Ông Võ Sỹ Dũng	Thành viên
Ông Bùi Văn Thiềng	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên
Ông Lê Hoài Thanh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Thiềng	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu công nghiệp Trung Hà
Xã Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

H
N
T
P

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tỉnh Phú Thọ, ngày 13 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00213-26-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo tình hình tài chính tại
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 160)	100		139.781.495.839	133.911.620.499
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	57.513.592.922	38.497.410.487
Tiền	111		7.483.592.922	2.497.410.487
Các khoản tương đương tiền	112		50.030.000.000	36.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.795.031.830	22.773.341.685
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	16.151.187.177	17.821.573.694
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	3.481.892.150	4.843.273.159
Phải thu ngắn hạn khác	135		161.952.503	108.494.832
Hàng tồn kho	140	10	62.317.423.678	72.260.169.966
Hàng tồn kho	141		63.586.834.160	72.260.169.966
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.269.410.482)	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		155.447.409	380.698.361
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		155.447.409	380.698.361
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 270)	200		190.094.341.011	187.251.409.430
Tài sản cố định	220		166.453.835.039	142.474.051.067
Tài sản cố định hữu hình	221	11	166.453.835.039	142.474.051.067
Nguyên giá	222		648.530.873.787	614.389.193.060
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(482.077.038.748)	(471.915.141.993)
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	29.050.596.798
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	12	-	29.050.596.798
Tài sản dài hạn khác	270		23.640.505.972	15.726.761.565
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	23.640.505.972	15.726.761.565
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		329.875.836.850	321.163.029.929

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		148.969.475.667	136.065.877.964
Nợ ngắn hạn	310		133.488.840.668	116.945.242.965
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	17.444.876.325	7.126.305.507
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.653.964.481	70.666.140
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		2.675.190.500	1.997.432.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	47.314.767.986	33.021.446.587
Phải trả người lao động	315		1.839.099.615	1.100.068.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		2.191.063.226	539.058.005
Phải trả ngắn hạn khác	320	17	40.472.736.390	25.014.349.140
Vay ngắn hạn	321	18(a)	18.880.000.000	47.180.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	19	1.017.142.145	895.917.586
Nợ dài hạn	330		15.480.634.999	19.120.634.999
Vay dài hạn	339	18(b)	15.480.634.999	19.120.634.999
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	180.906.361.183	185.097.151.965
Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	23.517.055.477	23.517.055.477
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	420		32.389.305.706	36.580.096.488
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		21.956.019.068	27.876.225.479
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm trước	420b		10.433.286.638	8.703.871.009
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		329.875.836.850	321.163.029.929

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập

Đào Thị Huyền
Kế toán

Người phê duyệt

Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thiềng
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	186.689.023.044	161.787.409.518
Giá vốn hàng bán	11	26	164.544.173.834	152.451.745.587
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = - 11)	20		22.144.849.210	9.335.663.931
Doanh thu hoạt động tài chính	22		479.798.813	178.256.369
Chi phí tài chính	23		965.967.792	1.182.375.893
Trong đó: Chi phí đi vay	24		965.967.792	1.182.375.893
Chi phí bán hàng	25		1.256.498.831	845.104.372
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	7.270.422.204	7.888.521.535
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		13.131.759.196	(402.081.500)
Thu nhập khác	31		681.288.152	75.132.000
Chi phí khác	32		684.245.854	150.000.000
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(2.957.702)	(74.868.000)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.128.801.494	(476.949.500)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.695.514.856	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		10.433.286.638	(476.949.500)
Điều chỉnh lại				
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu	20			
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30	731	(116)

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập



Đào Thị Huyền
Kế toán

Người phê duyệt


Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng


Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
		Mã số	Thuyết minh
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	13.128.801.494	(476.949.500)
Khấu hao và phân bổ	02	10.390.909.676	10.722.235.143
Các khoản dự phòng	03	1.269.410.482	-
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(479.798.813)	(178.256.369)
Chi phí đi vay	06	965.967.792	1.182.375.893
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	25.275.290.631	11.249.405.167
	00		
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.338.566.744	(24.784.453.004)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.673.335.806	16.829.197.556
Tăng, giảm các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	42.197.132.897	47.715.777.882
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(7.688.493.455)	1.021.938.603
		70.795.832.623	52.031.866.204
Tiền lãi vay đã trả	14	(996.506.542)	(1.209.116.715)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(186.058.290)	(101.289.170)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.828.775.441)	(1.738.506.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.784.492.350	48.982.953.919
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.098.396.657)	(9.867.186.221)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	665.987.100	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức	27	426.341.142	194.737.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.006.068.415)	(9.672.448.757)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		74.500.000.000	123.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(106.440.000.000)	(151.820.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.822.241.500)	(11.919.787.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.762.241.500)	(40.739.787.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		19.016.182.435	(1.429.282.338)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	7	38.497.410.487	36.367.541.408
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	57.513.592.922	34.938.259.070

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập



Đào Thị Huyền
Kế toán

Người phê duyệt



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSP.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát, loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu và nước giải khát; và cung cấp dịch vụ kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 105 nhân viên (1/1/2026: 103 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(i));

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được sửa đổi theo Thông tư 99 được mô tả ở Thuyết minh số 3.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(g) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận vào tài khoản cổ tức phải trả trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(i)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận trong các khoản phải trả khác.

(i) Phải trả cổ tức

Cổ tức phải trả được ghi nhận vào ngày quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán của Công ty trở thành nghĩa vụ không điều kiện.

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận vào tài khoản cổ tức phải trả trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(h)).

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã sử dụng một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được sử dụng trong báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc trong kỳ báo cáo giữa niên độ tương ứng của năm trước.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	483.502.868	1.008.676.118
Tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng (a)	7.000.090.054	1.488.734.369
Các khoản tương đương tiền (b)	50.030.000.000	36.000.000.000
	57.513.592.922	38.497.410.487

(a) Tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – Chi nhánh Phú Thọ	5.022.829.047	3.709.294
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh	1.968.437.532	1.451.409.192
Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác tại ngân hàng	8.823.475	33.615.883
	7.000.090.054	1.488.734.369

(b) Các khoản tương đương tiền

	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	30/6/2026	1/1/2026
				VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – Chi nhánh Phú Thọ	VND	1 tháng	4,75%	50.030.000.000	36.000.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.369.026.640	17.101.523.344
Công ty TNHH Thương mại Bia Sài Gòn	295.442.305	-
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ thương mại Hùng Vân	300.003.000	-
Công ty Cổ phần Vmaster	-	184.560.000
Các khách hàng khác	186.715.232	535.490.350
	16.151.187.177	17.821.573.694

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và phải thu theo yêu cầu.

9. Trả trước cho người bán chi tiết theo những nhà cung cấp lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Giải pháp Kỹ thuật Thông minh TA	2.040.000.000	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Toàn Diện	732.760.000	727.900.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Công Minh	-	830.830.000
Công ty TNHH MDM Hạt	-	582.000.000
Các nhà cung cấp khác	709.132.150	1.682.543.159
	3.481.892.150	4.843.273.159

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm 2.833 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2026: 3.526 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	23.339.047.165	-	15.490.134.818	-
Công cụ và dụng cụ	21.645.861.432	-	27.774.033.960	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.918.671.853	-	10.720.025.465	-
Thành phẩm	8.683.253.710	(1.269.410.482)	18.275.975.723	-
	63.586.834.160	(1.269.410.482)	72.260.169.966	-

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc điểm của từng hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Công ty đã rà soát và xác định một số mặt hàng tồn kho có dấu hiệu luân chuyển chậm. Theo đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng này theo các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 1.269 triệu VND (1/1/2026: không) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	133.951.932.334	466.808.942.443	9.258.306.994	4.370.011.289	614.389.193.060
Tăng trong kỳ	-	2.325.700.000	-	-	2.325.700.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	32.710.980.727	-	-	-	32.710.980.727
Thanh lý	-	-	(895.000.000)	-	(895.000.000)
Số dư cuối kỳ	166.662.913.061	469.134.642.443	8.363.306.994	4.370.011.289	648.530.873.787
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	66.121.113.489	394.193.228.233	7.652.121.890	3.948.678.381	471.915.141.993
Khấu hao trong kỳ	3.129.516.561	7.087.783.711	101.914.770	71.694.634	10.390.909.676
Thanh lý	-	-	(229.012.921)	-	(229.012.921)
Số dư cuối kỳ	69.250.630.050	401.281.011.944	7.525.023.739	4.020.373.015	482.077.038.748
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	67.830.818.845	72.615.714.210	1.606.185.104	421.332.908	142.474.051.067
Số dư cuối kỳ	97.412.283.011	67.853.630.499	838.283.255	349.638.274	166.453.835.039



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 353.584 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 351.681 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 123.773 triệu VND (1/1/2026: 96.889 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(b))

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng có giá trị còn lại lớn hơn 10% tổng giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Kho thành phẩm số 3	32.297.555.424	-
Tài sản cố định hữu hình khác	134.156.279.615	142.474.051.067
	166.453.835.039	142.474.051.067

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	29.050.596.798	15.380.744.633
Tăng trong kỳ	3.660.383.929	10.426.606.222
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(32.710.980.727)	-
Số dư cuối kỳ	-	25.807.350.855

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

13. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	11.214.903.733	4.511.857.832	15.726.761.565
Tăng trong kỳ	13.092.384.972	1.079.000.000	14.171.384.972
Phân bổ trong kỳ	(4.608.269.665)	(1.649.370.900)	(6.257.640.565)
Số dư cuối kỳ	19.699.019.040	3.941.486.932	23.640.505.972

14. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	7.743.633.059	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nam	2.276.675.000	-
Công ty Cổ phần TVL	1.924.995.780	-
Công ty TNHH Beerplaza Holding Việt Nam	1.801.140.840	7.344.440
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	373.459.471	4.202.480.674
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	348.013.584	58.536.335
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật và Đầu tư N36	67.762.050	985.512.755
Các nhà cung cấp khác	2.909.196.541	1.872.431.303
	17.444.876.325	7.126.305.507

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	373.459.471	4.202.480.674
Công ty TNHH Thương mại Bia Sài Gòn	20.266.227	29.126.029
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	211.275.600	-
	605.001.298	4.231.606.703

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

15. Phải trả cổ tức

	Kỳ hạn trả	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	Từ tháng 6/2026 đến tháng 12/2026	677.758.500	-
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Trước 2026	1.997.432.000	1.997.432.000
		2.675.190.500	1.997.432.000

(*) Tại ngày báo cáo, số dư cổ tức phải trả này chủ yếu bao gồm các khoản cổ tức đã được công bố nhưng chưa được một số cổ đông thiểu số nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.919.286.226	34.241.524.046	(22.043.966.692)	(10.542.624.993)	5.574.218.587
Thuế tiêu thụ đặc biệt	28.814.144.163	156.734.697.922	(146.540.937.585)	-	39.007.904.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	186.058.290	2.695.514.856	(186.058.290)	-	2.695.514.856
Thuế thu nhập cá nhân	101.957.908	529.151.785	(593.979.650)	-	37.130.043
Các loại thuế khác	-	408.668.640	(408.668.640)	-	-
	33.021.446.587	194.609.557.249	(169.773.610.857)	(10.542.624.993)	47.314.767.986



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

17. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Nhận ký quỹ ngắn hạn	40.268.667.800	24.983.177.800
Phải trả ngắn hạn khác	204.068.590	31.171.340
	40.472.736.390	25.014.349.140

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2026 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	39.900.000.000	74.500.000.000	(102.800.000.000)	11.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.280.000.000	3.640.000.000	(3.640.000.000)	7.280.000.000
	47.180.000.000	78.140.000.000	(106.440.000.000)	18.880.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	7,7%	11.600.000.000	39.900.000.000

- (*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Quang Minh có hạn mức tín dụng là 84.000 triệu VNĐ và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở Thuyết minh (b).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn	22.760.634.999	26.400.634.999
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.280.000.000)	(7.280.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	15.480.634.999	19.120.634.999

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	9,3%	2028	7.300.000.000	9.120.000.000
Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh (**)	VND	5,8%	2030	15.460.634.999	17.280.634.999
				22.760.634.999	26.400.634.999

(*) Khoản vay dài hạn này có hạn mức tín dụng là 16.400 triệu VND.

(**) Khoản vay dài hạn này có hạn mức tín dụng là 22.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 123.773 triệu VND (1/1/2026: 96.889 triệu VND) (Thuyết minh 11).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	895.917.586	910.823.986
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	2.600.000.000	750.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(650.000.000)	1.300.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.828.775.441)	(1.738.506.400)
Số dư cuối kỳ	1.017.142.145	1.222.317.586

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	125.000.000.000	23.517.055.477	42.558.073.511	191.075.128.988
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(476.949.500)	(476.949.500)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(131.848.032)	(131.848.032)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	125.000.000.000	23.517.055.477	27.399.275.979	175.916.331.456
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.180.820.509	9.180.820.509
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	125.000.000.000	23.517.055.477	36.580.096.488	185.097.151.965
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.433.286.638	10.433.286.638
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	650.000.000	650.000.000
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(174.077.420)	(174.077.420)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	125.000.000.000	23.517.055.477	32.389.305.706	180.906.361.183

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

21. Vốn góp

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

22. Cổ tức

Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 4 tháng 4 năm 2026 đã quyết định chia cổ tức cho cổ đông là 12.500 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 là 6.580 triệu VND và từ lợi nhuận còn lại của các năm trước là 5.920 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 12.500 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 là 5.711 triệu VND và từ lợi nhuận còn lại của các năm trước là 6.789 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Không có biến động quỹ đầu tư phát triển trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.957.074.748	2.877.074.748
Trong vòng hai đến năm năm	11.528.298.993	11.348.298.993
Sau năm năm	68.326.216.855	69.744.754.229
	82.811.590.596	83.970.127.970

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	958.624.800	757.573.707

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	184.036.860.900	160.051.982.094
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	340.771.558.822	296.674.266.739
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(156.734.697.922)	(136.622.284.645)
▪ Doanh thu khác	2.652.162.144	1.735.427.424
	186.689.023.044	161.787.409.518

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	162.741.599.766	151.263.939.531
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.269.410.482	-
▪ Giá vốn khác	533.163.586	1.187.806.056
	164.544.173.834	152.451.745.587

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.742.304.814	3.773.458.913
Chi phí thiết bị văn phòng	116.568.170	155.503.900
Chi phí khấu hao	99.206.170	103.827.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.780.961.808	2.398.758.499
Chi phí quản lý khác	1.531.381.242	1.456.973.043
	7.270.422.204	7.888.521.535

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	125.386.569.656	97.288.350.351
Chi phí nhân công và nhân viên	11.173.337.475	9.113.551.278
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.390.909.676	10.722.235.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.517.715.910	11.416.837.737
Chi phí khác	2.939.076.045	2.242.280.070

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.695.514.856	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	13.128.801.494	(476.949.500)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.625.760.299	(95.389.900)
Chi phí không được khấu trừ thuế	69.754.557	91.200.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	4.189.900
	2.695.514.856	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

30. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	10.433.286.638	(476.949.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (*)	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	325.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	9.133.286.638	(1.451.949.500)

(*) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động xã hội được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được ước tính dựa vào số trích lập thực tế được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo đó, lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại thành 116 đồng/cổ phiếu dựa trên số trích lập đã điều chỉnh vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 142 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(iii) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	731	(116)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	212.061.480.000	201.986.548.000
Mua nguyên vật liệu	72.372.746.830	62.608.340.832
Cổ tức đã trả	3.378.750.000	3.378.750.000
Cổ tức phải trả	3.378.750.000	3.378.750.000
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên		
Mua hàng hóa	579.140.000	447.890.000
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Trả trước mua tài sản cố định	-	374.458.800
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán dịch vụ	601.306.469	163.783.564
Mua dịch vụ	149.968.781	87.938.421
Công ty Cổ phần Thương mại Golden Sun		
Bán hàng hóa	454.341.580	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Hoàng Giang – Chủ tịch	72.000.000	72.000.000
Ông Võ Sỹ Đồng – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Bùi Văn Thiềng – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Lê Hoài Thanh – Thành viên	54.000.000	54.000.000
<i>Cổ tức đã trả</i>		
Ông Võ Sỹ Đồng – Thành viên	1.053.676.000	1.053.676.000
Bà Nguyễn Thu Hương – Thành viên	655.266.000	655.266.000
Ông Bùi Văn Thiềng – Thành viên	153.370.000	153.370.000
Ông Lê Hoài Thanh – Thành viên	684.230.000	684.230.000
Thành viên quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	610.043.143	593.178.383
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Tiến Thọ – Trưởng Ban Kiểm soát	54.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc – Thành viên	36.000.000	36.000.000
<i>Cổ tức đã trả</i>		
Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thành viên	185.932.000	185.932.000

32. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Phí dịch vụ soát xét thông tin tài chính	66.000.000	63.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

33. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng các quy định hiện hành của Thông tư 99. Theo đó, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại nhằm phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 99 về việc trình bày báo cáo tài chính. So sánh giữa các số liệu đã được báo cáo trước đây và các số liệu sau khi được phân loại lại được trình bày như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Mã số	1/1/2026	1/1/2026
		(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Cổ tức phải trả	313	1.997.432.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	25.014.349.140	27.011.781.140

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập

Đào Thị Huyền
Kế toán

Người phê duyệt

Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc/

Người đại diện theo pháp luật